

LAO ĐỘNG TỰ DO XUYÊN BIÊN GIỚI CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

ThS. Hoàng Thị Lê Thảo
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Lao động tự do xuyên biên giới, tức lao động không phép đang diễn ra ngày càng phổ biến ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, trong đó phụ nữ dân tộc thiểu số là lực lượng đáng kể. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng lao động này, mà đặc biệt là nhu cầu sinh kế và vốn xã hội - nguồn lực con người đang nổi trội. Qua nghiên cứu về lao động tự do xuyên biên giới của phụ nữ dân tộc thiểu số ở huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, tác giả đề xuất việc tăng cường thông tin, tổ chức tập huấn và mở dịch vụ đăng ký xuất nhập cảnh để góp phần hỗ trợ người dân có điều kiện tốt hơn khi đi lao động ở Trung Quốc, đồng thời hạn chế những nguy cơ mất an ninh, an toàn có thể xảy ra.

Từ khóa: Lao động tự do, xuyên biên giới, phụ nữ dân tộc thiểu số.

Ngày nhận bài: 5/9/2019; ngày gửi phản biện: 7/10/2019; ngày duyệt đăng: 5/12/2019

Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ gần đây, Việt Nam thực hiện đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với các chính sách mở cửa, phát triển kinh tế, người dân được tự do di chuyển để lập nghiệp, tìm kiếm việc làm. Đối với các tỉnh có đường biên giới, phổ biến trường hợp người dân địa phương đi làm ở bên nước bạn với tính chất mùa vụ hoặc sáng đi tối về. Đây là nhóm người tiến hành lao động ở bên kia đường biên giới thường xuyên sống xa gia đình, thay đổi nơi ở và nơi làm việc để đảm bảo khả năng thu nhập tốt hơn và để trốn tránh quản lý của chính quyền nơi đến. Vì vậy, họ là đối tượng dễ bị tổn thương trước các nguy cơ về an ninh chính trị, tệ nạn xã hội cũng như an toàn lao động. Phụ nữ tham gia di cư lao động nhiều hơn nam giới trong nhóm tuổi từ 15 - 29 tuổi (GSO, 2011). Công việc thu hút nhóm phụ nữ lao động xuyên biên giới là đi làm thuê trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, buôn bán hàng hóa, thậm chí còn tham gia một cách tự nguyện hay bị cưỡng bức vào hoạt động mại dâm, buôn bán người.

Lạng Sơn là tỉnh có trên 231km đường biên giới với Trung Quốc (Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn, 2018) và có những điểm nóng về tệ nạn xã hội liên quan đến hoạt động lao động xuyên biên giới. Trung bình mỗi năm có gần 30.000 lượt người sang Trung Quốc làm thuê, trong đó riêng các huyện biên giới tỉnh Lạng Sơn có trên 3.000 cư dân thường xuyên qua lại biên giới (Cổng thông tin ANTV, 2017). Từ năm 2010 đến tháng 4/2015, toàn tỉnh

Lạng Sơn có trên 39.000 lượt phụ nữ vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê (Khánh Trang, 2015). Việc xuất cảnh trái phép qua biên giới làm thuê gây ra nhiều hệ lụy như rủi ro trong quá trình lao động vì các quyền lợi không được đảm bảo, tác động tiêu cực đến việc giáo dục con cái, phát sinh tệ nạn xã hội,...

Văn Quan là một huyện nội địa của tỉnh Lạng Sơn, dù không có đường biên trực tiếp với Trung Quốc, nhưng có số lượng người dân tham gia tìm kiếm việc làm xuyên biên giới khá đông, trong đó có lực lượng lao động là phụ nữ dân tộc thiểu số. Bài viết này bước đầu tìm hiểu nguyên nhân thúc đẩy hành vi di cư lao động trái phép xuyên biên giới của nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số qua nghiên cứu định tính ở huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả nghiên cứu góp phần tăng cường hiểu biết để có hỗ trợ thiết thực với chị em nhằm đảm bảo những cơ hội tốt do thị trường lao động nước ngoài đem lại, đồng thời hạn chế các nguy cơ mất an ninh, an toàn có thể xảy ra.

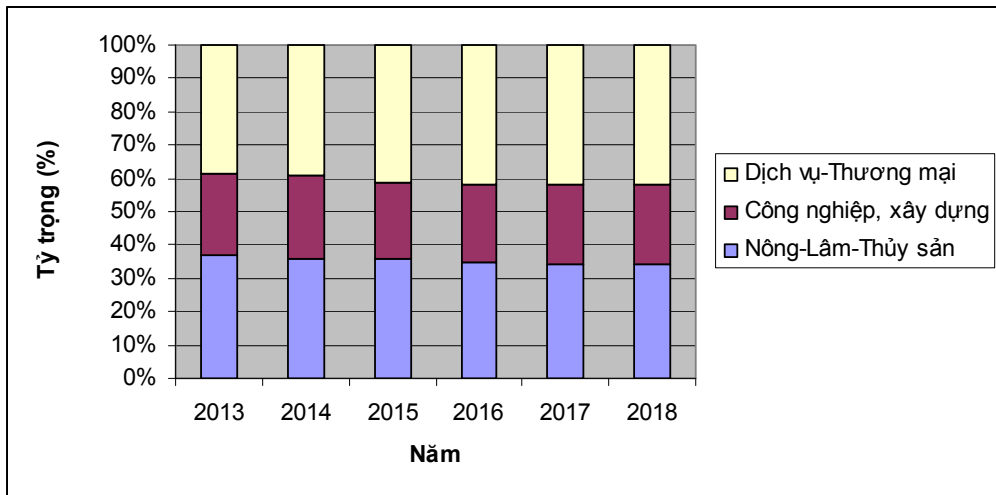
Vấn đề lao động tự do xuyên biên giới của phụ nữ dân tộc thiểu số huyện Văn Quan được tiếp cận từ lý thuyết về lực hút - lực đẩy (Push - Pull factors) của Evertt S. Lee. Lý thuyết này luận giải sự luân chuyển các dòng di dân là do lực đẩy của nơi xuất cư (các khó khăn, thiếu thốn) và do lực hút của nơi nhập cư có nhiều thuận lợi, cơ hội sống và làm việc tốt hơn (dẫn theo Nguyễn Đình Tấn, 2018). Di cư nói chung và di cư tìm việc làm nói riêng là kết quả của sự tương tác giữa các nhân tố hút và đẩy. Các nhân tố này không chỉ bó hẹp trong phạm vi các nhân tố kinh tế mà còn có thể là các điều kiện phi kinh tế như y tế, giáo dục, an toàn xã hội (Lê Ngọc Hùng, 2018). Trong cách tiếp cận này, lực hút thường được nhìn nhận là những yếu tố thuận lợi và lực đẩy được hiểu là những yếu tố bất lợi. Quyết định của mỗi cá nhân về việc rời khỏi nơi sống hiện tại xuất phát từ nhiều lý do đến từ các yếu tố thuận lợi và bất lợi trong bối cảnh của họ.

1. Khái quát về huyện Văn Quan và thực trạng lao động - việc làm

Huyện Văn Quan nằm trên trục quốc lộ 1B, cách thành phố Lạng Sơn khoảng 50km. Phía bắc giáp huyện Văn Lãng và Bình Gia, phía tây giáp huyện Bắc Sơn, phía đông giáp thành phố Lạng Sơn và Cao Lộc, phía nam giáp huyện Chi Lăng. Huyện Văn Quan có 23 xã và 01 thị trấn; diện tích tự nhiên là 55.028 ha. Theo kết quả thống kê của Chi cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn, dân số của huyện Văn Quan năm 2017 là 14.545 hộ với 56.413 người, trong đó dân số thành thị là 4.627 người (chiếm gần 8,2%), còn lại là dân số nông thôn. Mật độ dân số của huyện là 103,2 người/km². Dân cư phân bố chủ yếu dọc các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các trung tâm thị trấn, thị tứ, trung tâm xã, các điểm chợ,... Các dân tộc sinh sống lâu đời ở Văn Quan là: Tày, Nùng, Kinh, Hoa, Sán Chay (Cổng thông tin điện tử huyện Văn Quan, 2018).

Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế của huyện Văn Quan trong 5 năm trở lại đây có sự chuyển dịch từ nông - lâm - thủy sản sang công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại (xem Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1: Tỷ trọng ngành trong cơ cấu kinh tế huyện Văn Quan qua các năm 2013 - 2018



Nguồn: UBND huyện Văn Quan, “Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh” các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018

Mặc dù có sự chuyển dịch như trên, nhưng hoạt động kinh tế chính ở huyện Văn Quan vẫn là sản xuất nông nghiệp. Nhân khẩu nông nghiệp của huyện có 51.786 người, chiếm 91,8%, còn lại là nhân khẩu phi nông nghiệp (Cổng thông tin điện tử huyện Văn Quan). Tỷ lệ số hộ nghèo (theo chuẩn mới) vẫn cao, năm 2018 tỷ lệ nghèo toàn huyện là 26,17% so với tỷ lệ trung bình của nước là 5,53% (Ngân Anh, 2018). Thu nhập bình quân đầu người/năm có chiều hướng tăng đều. Tuy vậy, có thể thấy rằng mức thu nhập này còn thấp: cho đến năm 2018, thu nhập trung bình của người dân là 23,8 triệu đồng, đạt khoảng 40% so với mức chung của cả nước.

Theo báo cáo kinh tế - xã hội thường niên từ năm 2013 - 2018 của UBND huyện Văn Quan, số lao động trong độ tuổi toàn huyện chiếm khoảng 60% - 70% tổng dân số (Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn, 2018). Tỷ lệ này lần lượt là 61,7% năm 2012 và 68,5% năm 2015. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo, có tay nghề, chỉ chiếm 20% (năm 2014) và có xu hướng tăng, đạt 41% năm 2018. Tuy chưa đạt đến tỷ lệ trung bình về lao động qua đào tạo của toàn tỉnh Lạng Sơn (47,6% năm 2017) nhưng kết quả này phần nào phản ánh sự tích cực trong các chính sách đào tạo phát triển lao động - việc làm của UBND huyện Văn Quan, việc triển khai các dự án giải quyết việc làm và mở các lớp dạy nghề ở địa phương. Năm 2013, huyện đã phê duyệt 13 dự án với số tiền 537 triệu đồng để giải quyết việc làm cho hơn 500 lao động. Năm 2014, huyện có 18 lớp dạy nghề thu hút sự tham gia của 547 học viên. Số liệu tương tự của năm 2017 là 19 lớp và 732 học viên, năm 2018 là 15 lớp và 520 học viên. Các lớp dạy nghề được huyện tổ chức, gửi thông báo đến từng xã và các xã phổ biến đến người dân. Đối tượng tham gia lớp là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người trong độ tuổi lao động. Các nghề được dạy là trồng nấm, nuôi lợn, sửa chữa cơ khí.

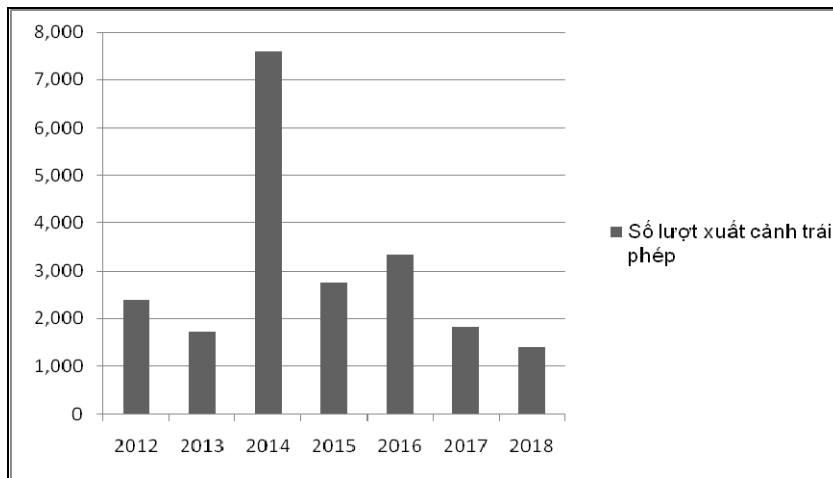
2. Thực trạng lao động xuyên biên giới

Tuy là huyện nội địa, nhưng nằm trong bối cảnh của một tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc có nhiều hoạt động giao thương cũng như các mối quan hệ đồng tộc, lực lượng lao động của huyện Văn Quan tìm kiếm việc làm xuyên biên giới khá đông. Theo báo cáo của UBND huyện Văn Quan hàng năm, việc xuất nhập cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê có chiều hướng ngày càng phổ biến. Lực lượng này chủ yếu phụ nữ và thanh niên trong độ tuổi lao động, trung bình 20 - 40 tuổi. Họ tham gia lao động phổ thông, giản đơn, không đòi hỏi kỹ thuật tay nghề, như bốc xếp trong phân xưởng của khu công nghiệp, thu hoạch mía, phát cỏ, trồng cây theo nhu cầu của các chủ sử dụng lao động. Phụ nữ dân tộc thiểu số huyện Văn Quan đảm nhận nhiều công việc cụ thể khi lao động bên Trung Quốc. Về tính chất công việc, có thể chia thành 2 nhóm: việc nhà nông (chặt mía, thu hoạch ngô, làm cỏ) và việc nhà xưởng (công nhân trong các xưởng băng điện, xưởng chế biến tôm đông lạnh, xưởng dán nhãn bánh kẹo). Về đặc điểm thời gian, có thể chia thành 2 loại: lao động mùa vụ (các việc nhà nông, cần lao động trong thời gian ngắn 1 - 3 tháng) và lao động dài hạn (việc nhà xưởng, cần lao động làm việc quanh năm).

Từ thực tế đó, những năm gần đây, UBND huyện Văn Quan chú trọng và tăng cường tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, góp phần củng cố hiểu biết pháp luật của người dân để ứng phó với các vấn đề xã hội ngày càng phức tạp (buôn bán/sử dụng ma túy, tranh chấp đất đai, lao động nước ngoài, hôn nhân gia đình...). Ngoài truyền thông qua loa đài, truyền hình, UBND huyện phối hợp các cấp xã, ban ngành trong huyện tổ chức các buổi tập trung để trực tiếp phổ biến giáo dục pháp luật với những nội dung chính sách về cai nghiện ma túy, quy định xuất nhập cảnh qua biên giới, kiểm soát thủ tục hành chính, tiếp nhận và giải đáp các vấn đề quan tâm của công dân. Song, với tâm lý muốn nhanh, muốn đơn giản, đa số người dân không đến làm thủ tục ở Phòng Quản lý xuất nhập cảnh tại thành phố Lạng Sơn). Họ thường chọn phương án đi theo các con đường mòn để sang Trung Quốc, không qua cửa khẩu biên phòng. Đây thực chất là hình thức xuất nhập cảnh trái phép. Đến năm 2017, huyện Văn Quan chưa ghi nhận trường hợp nào người dân gửi đơn thư tố cáo về việc bị lừa bán, quy tiền khi lao động ở Trung Quốc. Riêng 6 tháng đầu năm 2018, có 2 trường hợp người dân của huyện Văn Quan xuất cảnh trái phép bị chính quyền Trung Quốc trục xuất về Việt Nam.

Thống kê của UBND huyện Văn Quan về số lượng lao động xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc từ năm 2012 - 2018 cho thấy, có sự tăng vọt đột ngột trong năm 2014 (7.599 lượt); các năm còn lại có mức trung bình trên dưới 2.000 lượt mỗi năm (xem Biểu đồ 2). So với tổng số lượt xuất cảnh trái phép của cả tỉnh Lạng Sơn, con số này chiếm gần 10%. Cụ thể như năm 2017, với các trường hợp xuất nhập cảnh trái phép sang Trung Quốc, lao động của huyện Văn Quan là 1.829 lượt, trong đó toàn tỉnh có 21.542 lượt (Nguyễn Hương, Trần Hằng, 2018).

Biểu đồ 2: Xuất nhập cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê qua các năm 2012 - 2018 ở huyện Văn Quan



Nguồn: UBND huyện Văn Quan, “Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh” các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018

Vượt biên trái phép để tìm kiếm những cơ hội việc làm tại thị trường Trung Quốc rộng lớn để lại nhiều rủi ro cho người dân. Tất cả các lao động xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc đều không có hợp đồng lao động. Điều đó đồng nghĩa với việc nếu xảy ra tranh chấp, sẽ không có cơ sở pháp lý để bảo vệ người lao động. Bởi họ không có văn bản nào xác nhận các thông tin cụ thể về công ty, vị trí việc làm, thời gian làm việc, địa điểm làm việc, các chế độ an toàn lao động, quyền lợi và trách nhiệm giữa người sử dụng lao động và người lao động. Đồng thời, họ bị ràng buộc điều kiện phải làm đủ tối thiểu 3 tháng mới trả lương. Nếu ai về giữa chừng thì không được nhận bất kỳ ngày lương nào. Muốn mang lương về Việt Nam thì phải mất phí qua môi giới. Nhiều trường hợp lao động tự cầm tiền lương thì qua biên giới bị “cướp”, chịu cảnh tay trắng về nước.

3. Lao động tự do xuyên biên giới gắn với yếu tố kinh tế

“Di cư vì mục đích kinh tế là loại hình di cư nổi trội, đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa và tự do kinh tế” (Nguyễn Hiệp Thương chủ biên, tr. 2). Trong xu hướng chung đó, chị em phụ nữ huyện Văn Quan tìm kiếm việc làm bên kia biên giới Việt - Trung chủ yếu xuất phát từ mục đích kinh tế, với những lý do cụ thể như: hoàn cảnh gia đình nghèo khó, thiếu việc làm, muốn tăng thu nhập,... Bởi vì, mức thu nhập trung bình của huyện Văn Quan năm 2018 là 23,8 triệu đồng/người, trong khi con số này ở tỉnh Lạng Sơn là 38,5 triệu đồng (Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn) và của cả nước là 58,5 triệu đồng/người (Nguyễn An, 2018). Có thể thấy, dù đã có nhiều cải thiện, nhưng thu nhập của người dân ở huyện Văn Quan vẫn còn ở mức thấp so với tỉnh Lạng Sơn nói riêng và cả nước nói chung.

Khi được hỏi về lý do sang Trung Quốc làm thuê, hầu hết các thông tin viên đều bắt đầu từ việc “gia đình khó khăn”. Để giải quyết khó khăn của gia đình, các chị em phụ nữ coi việc tham gia hoạt động lao động xuyên biên giới như một giải pháp được lựa chọn vì phù hợp với khả năng lao động cũng như các điều kiện về địa lý, môi trường, tính chất công việc. Chị H.T.L (40 tuổi, dân tộc Nùng, xã Đại An), đã từng sang Trung Quốc làm ở xưởng sản xuất linh kiện điện thoại, cho biết: “Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên chị đành phải đi thôi, chứ vất vả lắm em ơi. Đi sang đây làm mà còn phải lo người ta biết, sẽ bị bắt. Mỗi ngày được chủ trả cho 80 tệ (khoảng 280.000 VNĐ), công ty bao ăn ở tại ký túc xá, nên tất cả tiền công đều mang về. Chị đi gần một năm mới về, nên cũng để dành được nhiều. Những người không đi lâu được, cũng tranh thủ thời gian rảnh rỗi mùa vụ để sang Trung Quốc làm thuê với mức công khoảng 60 tệ/ngày và người ta nuôi ăn ở hết. Đi mỗi đợt từ 18 - 20 ngày, cuối đợt họ cho mình cầm về một lần” (PVS chị H.T.S, 27 tuổi, dân tộc Nùng, xã Tú Xuyên, đi làm thu hoạch mía).

Thu nhập từ lao động bên Trung Quốc được người dân đánh giá là cao hơn so với tiền công ở Việt Nam. Tiền công trung bình khoảng 200.000 VNĐ đến 300.000 VNĐ/ngày, hoặc 7.000.000 VNĐ đến 10.000.000 VNĐ/tháng, lại được bao ăn ở, không tốn chi phí sinh hoạt. Chị Triệu Thị Vui (1962, dân tộc Nùng, thị trấn Văn Quan) cho biết, nguồn thu của gia đình trước đây là làm ruộng và trồng ngô. Mỗi vụ ngô thu hoạch được một tấn, đem bán được 5 triệu, trừ tiền phân bón, thuốc sâu, hạt giống thì hầu như không có tiền công. Năm 2014, chị được một người quen giới thiệu sang làm công nhân xưởng sắt ở Quảng Đông; đến năm 2015 chị chuyển sang xưởng sản xuất bảng điện. Công ty có ký túc xá ở miễn phí và cơm suất hàng ngày. Chị đi làm cả năm ở xưởng cũng để dư được 2 vạn tệ (khoảng 70 triệu đồng). Việc tích lũy được 70 triệu sau một năm đi làm ở Trung Quốc là một khoản tiền quý báu giúp gia đình chị trang trải cho các chi tiêu để điều kiện cuộc sống tốt hơn.

4. Lao động tự do xuyên biên giới gắn với yếu tố vốn xã hội - nguồn lực con người

“Vốn xã hội của người lao động thường được định nghĩa bởi những kỹ năng, trình độ chuyên môn và vốn cá nhân của từng người” (Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Bùi Thị Phương, 2014). Cụ thể hơn, chúng ta có thể xem xét vốn cá nhân của từng người như là nguồn lực con người. “Nguồn lực con người là tổng thể những yếu tố thuộc về thể chất, tinh thần, đạo đức, phẩm chất, trình độ tri thức, vị thế xã hội..., tạo nên năng lực của con người, của cộng đồng người có thể sử dụng, phát huy trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và trong những hoạt động xã hội” (Đỗ Nguyên Phương và cộng sự, 2004). Với quan điểm như vậy, chúng tôi đã tìm hiểu về vốn xã hội - nguồn lực con người của phụ nữ dân tộc thiểu số huyện Văn Quan khi tham gia hoạt động lao động xuyên biên giới, như kỹ năng hay chuyên môn công việc, độ tuổi, tâm lý.

Quyết định tham gia thị trường lao động bên kia biên giới của chị em phụ nữ dân tộc thiểu số huyện Văn Quan liên quan đến kỹ năng công việc của họ. Các công việc ở Trung Quốc phù hợp khả năng lao động của phụ nữ, tương tự với các công việc họ đã và đang làm

tại quê nhà. Người phụ nữ vốn hay làm, chăm chỉ và khéo léo, quen với công việc nhà nông, từ làm đất, gieo trồng đến thu hái, vận chuyển bảo quản nông sản. Do đó, khi được giới thiệu các công việc ở Trung Quốc chỉ đơn giản là chặt mía, làm cỏ, thu hoạch ngô... thì chị em đều mong muốn tranh thủ thời gian rảnh rỗi cuối năm (tầm tháng Mười âm lịch) hoặc sau Tết (tháng Giêng) để đi làm kiếm thêm thu nhập. Còn với người công nhân trong nhà xưởng, khi được giao đảm nhiệm một công đoạn, họ được hướng dẫn và lặp đi lặp lại một vài thao tác đơn giản. Công việc này chỉ cần sự chăm chỉ, cần cù theo hướng dẫn. Họ không bị yêu cầu bằng cấp chuyên môn hay chứng chỉ tay nghề. Ngược lại, các công ty trong nước luôn tuyển lao động có đầy đủ hồ sơ, trong đó có bằng cấp (tối thiểu phải có bằng trung học cơ sở). Trong điều kiện nông thôn miền núi, nhiều xã còn thuộc khu vực III, cùng với việc ít quan tâm đến việc học của nữ giới, nên đa phần phụ nữ dân tộc thiểu số huyện Văn Quan chỉ tốt nghiệp tiểu học, hay học bỏ dở trung học cơ sở. Rất ít người học hết phổ thông trung học để học tiếp trung cấp hoặc các cấp học cao hơn. Vì vậy, tìm kiếm việc làm ở Trung Quốc mà không cần hồ sơ, bằng cấp có ảnh hưởng đến quyết định của chị em.

Mặt khác, các chủ Trung Quốc không yêu cầu độ tuổi của người lao động. Trong khi ở Việt Nam, các công ty, nhà xưởng chỉ tuyển nữ giới từ 18 - 30 tuổi; tuổi trên 30 chị em rất khó khăn tìm việc làm. Thực tế ở độ tuổi này, đa số phụ nữ đã ổn định gia đình, qua thời kỳ có con thơ, còn sung sức, dồi dào kinh nghiệm lao động. Họ có nhiều nhu cầu cần chi tiêu, như sửa nhà, mua xe, cho con đi học, chi cho hiếu hỷ, cải thiện điều kiện sinh hoạt của gia đình nên sẵn sàng lao động để có thêm nguồn thu. Khi các công ty ở Việt Nam đóng cửa cơ hội việc làm bởi tuổi tác, họ tìm thấy cánh cửa mở rộng ở thị trường lao động Trung Quốc. Cô L.T.L (57 tuổi, dân tộc Nùng, thị trấn Văn Quan) chia sẻ: lần đầu cô sang Trung Quốc là năm 2012, khi đó cô đã 52 tuổi. Ở tuổi ấy, cô không tìm được việc làm tại địa phương, chỉ loanh quanh việc nhà, trồng cây mảnh vườn, chăn nuôi gà. Một người em họ lấy chồng bên Trung Quốc đã giới thiệu cô sang đó đi làm. Về sau, cả nhà gồm cô, chồng, con trai, con dâu đều sang Trung Quốc làm công nhân ở xưởng ván gỗ ép. Làm thuê ở Trung Quốc trở thành cơ hội thu nhập cho các thành viên trong gia đình của cô.

Có thể thấy, một trong số những ý kiến được đa số thông tin viên chia sẻ là những người có sức khỏe và chăm chỉ đều tìm được việc làm ở Trung Quốc. Người lao động tìm được những cơ hội việc làm phù hợp với trình độ kỹ năng công việc của bản thân và thời gian làm việc.

Kết luận

Mức lương hấp dẫn và sự phù hợp với tính chất công việc, năng lực cùng thời gian lao động là những nguyên nhân chính khiến phụ nữ dân tộc thiểu số ở huyện Văn Quan cũng như nhiều lao động ở khu vực biên giới sẵn sàng chấp nhận rủi ro để vượt biên trái phép sang Trung Quốc tham gia thị trường lao động. Bởi vậy, dầu bất đồng ngôn ngữ, không có các thông tin cụ thể về công việc, đơn vị sử dụng lao động, không nắm được những quy định quản lý của khu vực biên giới, của chính quyền địa phương cũng như chính quyền bên Trung

Quốc cũng không ngăn được làn sóng lao động tự do sang bên kia biên giới. Điều đó đặt ra vấn đề: cần để người lao động thực hiện việc xuất nhập cảnh hợp pháp nhằm đảm bảo các quyền lợi của họ trong công việc cũng như an ninh, an toàn khu vực biên giới.

Do vậy, chính quyền địa phương cần tăng cường việc cung cấp thông tin, tổ chức các đợt tập huấn về việc tìm kiếm thông tin những dịch vụ an ninh, an sinh xã hội; cung cấp danh sách đơn vị, tổ chức có thể liên hệ để hỗ trợ giải quyết các vấn đề của người lao động khi ở nước ngoài. Đồng thời, xem xét các hoạt động hỗ trợ thiết thực, như tổ chức định kỳ những chuyến xe tập thể đi đăng ký thông hành cho người dân có nhu cầu. Để thực hiện, cần xem xét các điều kiện cơ sở hạ tầng và nhu cầu của người dân. Triển khai công tác này, trước hết nên ưu tiên ở những khu vực “nóng” giáp biên - nơi tập trung đông người dân có nhu cầu đi lao động bên kia biên giới, hoặc vào thời gian cao điểm của hoạt động đi làm thuê bên kia biên giới (sau Tết âm lịch). Các hoạt động này sẽ hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh đúng quy định, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động khi ở nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn An (2018) “Thu nhập bình quân của người Việt hai năm chỉ tăng 660.000 đồng”, Báo Tuổi trẻ <http://tuoitre.vn>, đăng ngày 27/12/2018, truy cập ngày 3/6/2019.
2. Ngân Anh, “Tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn khoảng 5,35%”, trên trang <http://nhandan.com.vn>, đăng ngày 26/12/2018, truy cập ngày 16/5/2019.
3. Cổng thông tin điện tử huyện Văn Quan: <http://vanquan.langson.gov.vn>.
4. Cổng thông tin ANTV (2017) “Cần giải quyết tình trạng lao động qua biên giới”, trên trang <http://antv.gov.vn>, đăng ngày 4/5/2017, truy cập ngày 12/5/2019.
5. Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn: <http://langson.gov.vn>.
6. Trần Hữu Dũng (2003) “Vốn xã hội và kinh tế”, *Tạp chí Thời đại*, Số 8.
7. Trần Hữu Dũng (2014) “Vốn xã hội và phát triển kinh tế”, trên trang <http://nghiencuuquocte.org>, đăng ngày 14/11/2014, truy cập ngày 10/5/2019.
8. Lê Ngọc Hùng (2018) “Các lý thuyết về di cư và vận dụng trong chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 8.
9. Nguyễn Hương, Trần Hằng (2018), “Rủi ro rình rập lao động xuất cảnh trái phép qua biên giới”, Báo Công an nhân dân Online <http://cand.com.vn>, đăng ngày 4/2/2018, truy cập ngày 27/6/2019.
10. Đỗ Nguyên Phương và cộng sự (2004), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Đình Tấn (2018) “Xu hướng di dân các dân tộc thiểu số từ góc độ lực hút, lực đẩy”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 5.